



TIẾN TRÌNH GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) VÀ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN KHI VIỆT NAM TRỞ THÀNH THÀNH VIÊN CỦA WTO

LƯƠNG VĂN TỰ *

1 - Tình hình đàm phán gia nhập WTO

Sau một thời gian dài chuẩn bị, tháng 7-1998, Việt Nam bắt đầu tiến hành phiên đàm phán gia nhập WTO đầu tiên.

WTO ra đời năm 1995 (tiền thân của tổ chức này là Hiệp định chung về thuế quan và thương mại - GATT). Được thành lập năm 1947, GATT chỉ giải quyết các vấn đề liên quan đến thương mại hàng hóa (tức thuế quan). Quá trình vận động và phát triển của thương mại thế giới đã mở rộng ra nhiều lĩnh vực, như: dịch vụ và đầu tư, sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại... WTO đã đáp ứng được khái niệm mở rộng của thương mại, bao gồm: thương mại hàng hóa (như GATT đã đề cập); thương mại dịch vụ (bao gồm 11 ngành và 155 phân ngành); đầu tư liên quan tới thương mại; sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại. Khi mới thành lập, tổ chức này có 125 nước và vùng lãnh thổ tham gia, đến nay đã có 148 thành viên, chiếm 85% thương mại hàng hóa và 90% thương mại dịch vụ toàn cầu. Ngoài ra còn có 24 nước, trong đó có Việt Nam, đang trong quá trình đàm phán để gia nhập. Trong tương lai gần, tổ chức này sẽ có số thành viên bằng số thành viên của Liên hợp quốc (191 nước). WTO giữ vị trí quan trọng, điều tiết hầu

hết các chính sách thương mại toàn cầu. Hiện nay, trong ASEAN chỉ còn Việt Nam và Lào chưa phải là thành viên của WTO; trong số 21 nền kinh tế APEC chỉ còn Nga và Việt Nam và trong số 38 thành viên ASEM chỉ còn Việt Nam và Lào chưa phải là thành viên của WTO.

Tháng 11-2001, WTO phát động vòng đàm phán mới với mục tiêu tự do hóa thương mại toàn cầu trong tất cả các lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ và thực hiện các ưu đãi cho các nước kém phát triển; tự do hóa ngành dệt may thông qua việc bỏ hạn ngạch và quy định lộ trình kết thúc đàm phán là vào ngày 1-1-2005. Do thất bại của hội nghị Can-cun, lộ trình đã phải lùi lại. Ngày 1-8-2004, trong cuộc họp ở Giơ-ne-vo, Đại hội đồng WTO đã thông qua được Hiệp định khung và đề ra chương trình cố gắng kết thúc vòng đàm phán mới, đầy tham vọng, vào tháng 12-2005 (tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế thương mại ở Hồng Công). Nhiều nhà phân tích dự đoán, vòng đàm phán Đô-ha có thể bị kéo dài do mâu thuẫn lợi ích giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển, trừ phi có sự nhượng bộ lớn...

* Thứ trưởng Bộ Thương mại, Tổng Thư ký Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế

Đại hội VIII của Đảng đã đề ra đường lối mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực. Đường lối này tiếp tục được Đảng ta khẳng định tại Đại hội IX. Đó là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Những đường lối này đã được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 07/NQ-TW, ngày 27-11-2001, của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết chỉ rõ rằng, chúng ta cần tích cực tiến hành đàm phán để gia nhập WTO theo các phương án và lộ trình hợp lý... Gắn kết quá trình đàm phán với quá trình đổi mới mọi mặt ở trong nước.

Việt Nam đã nộp đơn xin gia nhập WTO vào tháng 1-1995; đã được tiếp nhận và được công nhận là quan sát viên của tổ chức này. Sau 10 năm, trải qua 8 phiên đàm phán đa phương và gần 100 cuộc đàm phán song phương với sự tham gia của tất cả các bộ, ngành kinh tế, bộ, ngành tổng hợp, Văn phòng Quốc hội, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, Việt Nam đã trả lời trên 2 000 câu hỏi của các thành viên Ban công tác WTO về chính sách kinh tế thương mại của Việt Nam. Chúng ta phải xây dựng các chương trình hành động để bảo đảm khi gia nhập có thể thực hiện các cam kết của mình, như: Chương trình xây dựng pháp luật, Chương trình thực hiện Hiệp định trị giá Hải quan (CVA), Chương trình thực hiện Hiệp định về các rào cản kỹ thuật (TBT), Chương trình thực hiện Hiệp định về đầu tư (Trims), Chương trình thực hiện Hiệp định về sở hữu trí tuệ (Trips), Chương trình thực hiện Hiệp định về kiểm dịch động, thực vật (SPS), Chương trình thực hiện Hiệp định kiểm tra trước khi xếp hàng (PSI), Thủ tục cấp phép nhập khẩu (ILP) và Quy tắc xuất xứ "ROO" v.v... Đây là cuộc đàm phán thương mại dài nhất từ trước tới nay. Để gia nhập

ASEAN, chúng ta chỉ mất khoảng 2 năm đàm phán; Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ chỉ mất khoảng 4 năm đàm phán. Để gia nhập WTO, chúng ta vừa phải đàm phán với Ban công tác của gần 40 nước thành viên về các cam kết đa phương liên quan đến 16 hiệp định chính của WTO và các quy tắc chứa đựng trong 30 000 trang, đồng thời vừa phải đàm phán mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ với trên 20 thành viên của WTO.

Cuộc đàm phán gia nhập WTO khác với tất cả các cuộc đàm phán khác. Các cuộc đàm phán khác là đàm phán "có đi, có lại", đối tác dành cho ta lĩnh vực này thì ta dành cho họ lĩnh vực khác. Còn đàm phán để gia nhập WTO là đàm phán một chiều. Chúng ta phải căn cứ vào quy định của WTO, cam kết của các nước mới gia nhập và yêu cầu của các nước để thương lượng, thuyết phục. Chúng ta tiến hành đàm phán trong điều kiện rất khó khăn, do các nước mới gia nhập cam kết rất cao và càng gia nhập sau, cam kết phải càng cao hơn các nước trước. Ví dụ, Cam-pu-chia, một nước kém phát triển, đã cam kết mức thuế trung bình dưới 20% cho cả hàng công nghiệp và hàng nông nghiệp. Trung Quốc phải chấp nhận 3 điều kiện bị phân biệt đối xử để gia nhập. Bên cạnh đó, vòng đàm phán Đô-ha tuy có trở ngại nhưng vẫn tiến triển. Một số nước, nhiều ít khác nhau, đã lấy những yêu cầu đàm phán mới để ép các nước mới gia nhập phải mở cửa thị trường lao động rộng hơn. Ví dụ, Ấn Độ là nước xuất khẩu lao động đứng đầu thế giới, mỗi năm thu về cho nền kinh tế 13 tỉ USD. Ngoài ra, Việt Nam là một thị trường với trên 80 triệu dân, có vị trí thuận lợi, ổn định chính trị, có tốc độ tăng trưởng đứng thứ hai thế giới trong 20 năm liền; một số mặt hàng xuất khẩu như cà phê, đứng thứ hai, thứ ba thế giới, hạt tiêu và hạt điều đứng thứ hai thế giới, nên mặc dù tổng kim ngạch xuất khẩu khác của ta mới đạt

khoảng 45 tỉ USD (năm 2003), nhưng các nước vẫn đưa ra yêu cầu cao, với lý do tiềm lực của ta trong tương lai lớn. Chính vì thế, có nhiều nước Mỹ La-tinh, như Cô-lôm-bi-a, Pa-ra-guay, U-ru-goay, En-xan-va-đo, mặc dù chưa có quan hệ buôn bán với ta, nhưng vẫn có yêu cầu đàm phán.

2 - Những thuận lợi và khó khăn khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO

+ Về thuận lợi:

Thứ nhất, chúng ta đã có chủ trương thống nhất từ Trung ương đến địa phương là, cần sớm gia nhập WTO để có thị trường toàn cầu cho hàng hóa và dịch vụ của ta; để hàng hóa và dịch vụ của ta được hưởng ưu đãi và đối xử công bằng hơn; để ta được quyền tham gia vào các chính sách thương mại toàn cầu, chứ không phải chỉ chạy theo như lâu nay; để luật pháp và chính sách của ta minh bạch, ổn định, dễ dự đoán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, hạn chế các tiêu cực trong xã hội. WTO sẽ bỏ hạn ngạch dệt may vào ngày 1-1-2005, do vậy, nếu là thành viên, ta sẽ được hưởng quy chế này, và khi xảy ra tranh chấp, như các vụ chống bán phá giá, chống trợ cấp tôm, cá tra, cá ba sa, xe đạp, dày dép... chúng ta được quyền đưa ra WTO và sẽ được giải quyết công bằng hơn. Ví dụ, Bra-xin kiện Hoa Kỳ trợ cấp bông; hai nước không giải quyết được, đưa lên WTO, Bra-xin đã thắng.

Thứ hai, cho đến nay, tất cả các nước và các tổ chức quốc tế đều ủng hộ Việt Nam sớm gia nhập WTO. Chúng ta cũng cần phân biệt giữa ủng hộ về mặt ngoại giao với quyền lợi dân tộc. Không ít nước muốn thông qua cuộc đàm phán này để ép chúng ta mở cửa thị trường tối đa cho họ.

Thứ ba, qua tiến trình đàm phán, sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ sát hơn, sự phối hợp

giữa các bộ, ngành chặt chẽ hơn. Các thành viên của Đoàn đàm phán, qua đào tạo và cọ xát cũng trưởng thành hơn.

Về đàm phán đa phương, đến phiên thứ 8, ông Chủ tịch Ban công tác của WTO đã kết luận, từ phiên thứ 9 (tháng 12-2004), Việt Nam sẽ chuyển sang thảo luận Báo cáo của Ban công tác. Đây là tài liệu quan trọng, thể hiện sự cam kết đa phương của Việt Nam để gia nhập WTO.

Về đàm phán song phương, đến nay chúng ta đã đưa ra 4 bản chào về hàng hóa và dịch vụ. Mức thuế chúng ta chào, trung bình là 18% với lộ trình 3 - 5 năm dịch vụ. Chúng ta đã chào 10 ngành, gồm dịch vụ kinh doanh, dịch vụ thông tin, dịch vụ ngân hàng và tài chính, dịch vụ phân phối, dịch vụ xây dựng và các dịch vụ kỹ thuật có liên quan, dịch vụ y tế và xã hội, dịch vụ du lịch, dịch vụ văn hóa và giải trí, dịch vụ vận tải, dịch vụ giáo dục, và 92 phân ngành.

Mặc dù bị sức ép rất lớn của tất cả các nước, chúng ta vẫn kiên trì nguyên tắc: Việt Nam là nước đang phát triển ở trình độ thấp, nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, nên mức độ mở cửa thị trường phải phù hợp và có thời kỳ quá độ. Cho đến nay, chúng ta đã kết thúc đàm phán song phương với 5 nước và có thể sẽ kết thúc thêm với một số nước, nhưng vẫn giữ được nguyên tắc này. Ví dụ với EU, chúng ta kết thúc đàm phán song phương với mức thuế nhập khẩu hàng công nghiệp trung bình là 16%, thủy sản: 22%, nông sản: 24% và dịch vụ thời kỳ chuyển đổi cao nhất là 7 năm kể từ khi gia nhập.

Gia nhập WTO là bước đi quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Nó có tác dụng thúc đẩy các ngành kinh tế của ta phát triển từng bước, theo kịp với sự phát triển của khu vực và thế giới. Song, yếu tố quyết định sự thành công của tiến

trình gia nhập này vẫn là nội lực, là chương trình cải cách kinh tế và cải cách hành chính của chúng ta.

+ Về khó khăn:

Việc gia nhập WTO tạo cho ta những thuận lợi, song cũng đặt ra cho chúng ta nhiều thách thức, nhiều công việc phải làm khi gia nhập và sau khi đã trở thành thành viên của WTO.

Thứ nhất, phải tăng cường công tác tuyên truyền để các cấp, các ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp, hiểu được các quy định của WTO và những cam kết đa phương, song phương. Đồng thời, phải sửa đổi và xây dựng mới trên 30 luật và pháp lệnh, để cho những luật và pháp lệnh này phù hợp với các hiệp định về thuế quan, nông nghiệp, công nghiệp, đầu tư; hiệp định về các rào cản thương mại, thủ tục cấp phép nhập khẩu, kiểm dịch động, thực vật v.v... Yêu cầu này cũng phù hợp với yêu cầu cải cách nền kinh tế và cải cách hệ thống pháp luật cho phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, phải xây dựng một hệ thống chính sách minh bạch, ổn định để dự đoán, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp để xóa cơ chế "xin - cho"; chuyển cơ chế điều hành xuất nhập khẩu của các bộ tổng hợp và các bộ chuyên ngành từ điều hành trực tiếp bằng cấp phép, định lượng sang điều hành gián tiếp bằng luật, tiêu chuẩn kỹ thuật và các công cụ khác, phù hợp với thông lệ của thương mại thế giới. Chuyển nguồn thu từ thuế nhập khẩu, do chúng ta phải cam kết giảm thuế để hội nhập, sang nguồn thu từ trong nước và tăng kim ngạch xuất nhập khẩu để bù vào mức thuế giảm.

Thứ ba, phải nhanh chóng đổi mới cơ cấu nền kinh tế, phát huy các ngành hàng có lợi thế trước mắt và lâu dài, tập trung đầu tư vào sản xuất hàng xuất khẩu vừa có chất lượng phù hợp với yêu cầu thị trường, vừa có khả

năng cạnh tranh để thâm nhập vào thị trường thế giới. Các nước láng giềng của ta như Ma-lai-xi-a, mặc dù chỉ có 25 triệu dân, đã xuất khẩu tới 89 tỉ USD; Thái Lan có 65 triệu dân, xuất khẩu 80 tỉ USD (năm 2003). Việt Nam có trên 80 triệu dân. Để thực hiện được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh", chúng ta phải xuất khẩu mỗi năm khoảng 100 tỉ USD, tức phải tăng xuất khẩu lên 4 lần trong những năm tới.

Thứ tư, dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng. Các nước công nghiệp phát triển coi dịch vụ là thước đo trình độ phát triển kinh tế. Ở Mỹ, ngành dịch vụ chiếm 80% GDP, trong khi công nghiệp chỉ chiếm 18% GDP, còn ngư nghiệp và nông nghiệp chỉ chiếm 2% GDP. Ngành dịch vụ của EU chiếm từ 60% đến 70% GDP, tùy theo các nước thành viên. Ngành dịch vụ của Trung Quốc và Thái Lan chiếm trên 50% GDP. Trong khi đó, ngành dịch vụ của ta lại có xu hướng giảm. Năm 2003, dịch vụ chỉ còn có trên 39% GDP. Vì vậy, cần nhanh chóng phát triển ngành này. Những lĩnh vực dịch vụ công, Nhà nước phải quản lý, còn những lĩnh vực khác, nên từng bước mở cho các doanh nghiệp của các thành phần khác của Việt Nam tham gia.

Thứ năm, cần nhanh chóng đào tạo đội ngũ luật sư, cán bộ làm công tác hội nhập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quốc tế, trong đó có WTO, để tham gia các cuộc đàm phán trên tất cả các lĩnh vực, bảo vệ quyền lợi cho đất nước. Doanh nghiệp là trung tâm của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng như gia nhập WTO, nên phải tăng cường đào tạo cán bộ quản lý cho doanh nghiệp ở tất cả các thành phần kinh tế, đồng thời đào tạo đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề về chuyên môn và có ngoại ngữ.

Đơn cử, các tỉnh Trung Quốc có biên giới chung với nước ta đều quy định, lãnh đạo các cấp làm công tác thương mại với Việt Nam phải biết tiếng Việt. Sứ quán Hoa Kỳ ở Việt Nam cũng quy định, tất cả cán bộ và nhân viên phải học và nói được tiếng Việt. Trong khi đó, việc học tiếng nước ngoài để phục vụ cho công việc hội nhập khu vực và quốc tế chưa được chúng ta coi trọng đúng mức.

Thứ sáu, muốn có thị trường toàn cầu chúng ta phải mở cửa thị trường trong nước. Cuộc cạnh tranh sẽ quyết liệt, bởi vì đa số doanh nghiệp của ta thuộc loại nhỏ và vừa. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ phù hợp với các quy định của WTO, như: hỗ trợ nâng cao chất lượng hàng hóa và bao bì, hỗ trợ phát triển mặt hàng mới, thị trường mới và giữ vững các thị trường cũ, hỗ trợ cước vận tải hàng xuất khẩu, hỗ trợ đào tạo cán bộ v.v...

Trong cuộc cạnh tranh mới, đa số doanh nghiệp sẽ vươn lên, nhưng một số sẽ dừng lại. Do vậy, vấn đề an sinh phải đặt ra để bảo vệ người lao động, tạo ra sự ổn định xã hội. Trong thời gian qua, chính sách và các doanh nghiệp đã bắt đầu chuyển biến, quan tâm đến thị trường trong nước hơn. Song như vậy vẫn chưa đủ. Chúng ta phải đẩy nhanh việc hình thành các mạng lưới tiêu thụ để chiếm lĩnh thị trường trong nước, trước khi phải mở cửa hoàn toàn để hội nhập và gia nhập WTO.

Thực tế cho thấy, đa số các nước gia nhập WTO đều có nền kinh tế phát triển nhanh, như Trung Quốc và các nước Đông Âu (trừ một vài nước, do quản lý kém và cải cách trong nước không đồng bộ thì gặp khó khăn). Nếu chúng ta tranh thủ được lợi thế của tiến trình hội nhập và gia nhập WTO, đẩy nhanh quá trình cải cách mà Đảng và Chính phủ đã đề ra, biến các thách thức thành thời cơ mới, chắc chắn nền kinh tế của chúng ta sẽ có cơ hội phát triển cao hơn. □

QUỐC HỘI...

(Tiếp theo trang 16)

Quốc hội công tác trong quân đội đã mang đến Quốc hội tiếng nói của những cử tri trên khắp mọi miền đất nước, đang ngày đêm nắm chắc tay súng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Cùng với việc ban hành luật, pháp lệnh và các nghị quyết, Quốc hội còn thực hiện chức năng giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước. Kể từ Quốc hội khóa IX đến nay, Quốc hội thực hiện chức năng giám sát của mình về lĩnh vực quốc phòng thông qua xem xét báo cáo của Chính phủ hoặc nghe báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội về kết quả giám sát tình hình thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực này, nhằm bảo đảm việc thực hiện các văn bản luật, pháp lệnh và nghị quyết đó được thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất trong phạm vi cả nước.

Lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội ta trong suốt 60 năm qua luôn gắn liền với hoạt động của Quốc hội, vì Quốc hội và quân đội đều của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, vấn đề tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh là hết sức cần thiết. Việc thể chế hóa về mặt nhà nước nhiệm vụ đó thành pháp luật, quyết định ngân sách để bảo đảm thực hiện và giám sát việc thực hiện được nghiêm chỉnh, thống nhất trong cả nước đều thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Với tinh thần đổi mới, Quốc hội nước ta sẽ tiếp tục dành sự quan tâm to lớn và hiệu quả cho quốc phòng và quân đội tương xứng với vị trí và vai trò lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. □